

**ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF
MỘT QUỸ MỞ ĐƯỢC QUẢN LÝ BỞI CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK**

**Bản sửa đổi theo Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ
ngày 15 tháng 4 năm 2020**



Nội dung

CƠ SỞ PHÁP LÝ	1
ĐỊNH NGHĨA	2
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ.....	6
Điều 2: Thời hạn của Quỹ.....	6
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	6
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán.....	6
Điều 5. Đại diện của Quỹ.....	6
Điều 6. Công ty quản lý quỹ.....	7
Điều 7. Ngân hàng giám sát.....	7
Chương II. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ	7
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	7
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	7
Điều 10. Hạn mức đầu tư.....	9
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ.....	10
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	11
Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	11
Điều 13. Nhà đầu tư/Nhà đầu tư.....	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư.....	11
Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư.....	12
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	13
Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.....	15
Điều 18. Giá dịch vụ, giá phát hành và mua lại Đơn Vị Quỹ.....	16
Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ.....	17
Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	17
Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	17
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	18
Điều 22. Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	19
Điều 23. Phân đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	20
Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	20
Điều 24. Ban Đại diện Quỹ.....	20
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	21
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ.....	21
Điều 27. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ.....	22
Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	23
Điều 29. Họp Ban Đại Diện Quỹ.....	23
Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	24
Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ.....	24
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	24
Điều 32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	25
Điều 33. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	25
Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	26
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát.....	26

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	27
Điều 36. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát.....	28
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát.....	29
Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN	30
Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền	30
Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.....	30
Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan	30
Điều 41. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	31
Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	33
Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	33
Điều 43. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ	33
Điều 44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối.....	34
Điều 45. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	35
Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	36
Điều 46. Công ty kiểm toán	36
Điều 47. Năm tài chính.....	36
Điều 48. Chế độ kế toán	36
Điều 49. Báo cáo tài chính	36
Điều 50. Báo cáo khác	37
Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	37
Điều 51. Xác định Giá trị Tài sản ròng ("NAV")	37
Điều 52. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng ("NAV") của Quỹ.....	37
Điều 53. Quy trình định giá tài sản Quỹ.....	43
Điều 54. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ.....	44
Điều 55. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	45
CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ.....	45
Điều 56. Phân phối lợi nhuận	45
Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ.....	46
CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	47
Điều 58. Các điều kiện để hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ	47
Điều 59. Điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ.....	48
Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích.	48
Điều 61. Thông báo và công bố thông tin.....	48
Điều 62. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ	49
Điều 63. Hiệu lực của Điều Lệ.....	49
Phụ lục 1.....	50
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	50
Phụ lục 2.....	52
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	52
Phụ lục 3.....	53
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	53

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010;
2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
3. Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi Nghị định 58/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và Luật Chứng khoán sửa đổi;
4. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Nghị định 145/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
6. Thông tư 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ;
7. Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
8. Thông tư 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về thành lập và quản lý quỹ mở;
9. Thông tư 198/2012/TT – BTC của Bộ Tài chính ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ mở
10. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
11. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
12. Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam;
13. Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
14. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán;
15. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

ĐỊNH NGHĨA

“Ban Đại Diện Quỹ” hoặc “BĐĐQ”	có nghĩa là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra và đại diện cho Nhà đầu tư để giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Bản Cáo Bạch”	có nghĩa là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ ra công chúng.
“Chủ Tịch”	có nghĩa là chủ tịch của Ban Đại Diện Quỹ
“Chứng Chỉ Quỹ”	Là chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành dưới dạng bút toán, đã được thanh toán đầy đủ và là bằng chứng về quyền sở hữu hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hay vốn của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Nhà đầu tư nắm giữ.
“Cổ Tức Quỹ”	là các khoản lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ mà Quỹ phân phối cho Nhà đầu tư tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “CTQLQ” hoặc “VCBF”	có nghĩa là Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 30 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 31 của Điều Lệ này.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là cuộc họp của các Nhà đầu tư của Quỹ được tổ chức định kỳ hay bất thường để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của Nhà đầu tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	có nghĩa là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền theo như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này.
“Đại Lý Phân Phối”	có nghĩa là đại lý được ủy quyền nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ từ nhà đầu tư tại Điểm Nhận Lệnh.

“Điều Lệ”	có nghĩa là văn bản này, các phụ lục đính kèm ở đây và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua vào từng thời điểm và áp dụng cho Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
“Đơn Vị Quỹ”	là đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà người sở hữu một Đơn Vị Quỹ có một quyền biểu quyết.
“Đồng Việt Nam” hoặc “VND”	có nghĩa đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hoặc “NAV”	có nghĩa là tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
“Hội Đồng Định Giá”	được VCBF lập ra để giám sát việc xử lý, tính toán NAV của Quỹ và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc định giá. Hội Đồng Định Giá được quy định chi tiết trong Sổ Tay Định Giá.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HSX”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Lệnh Bán”	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư sở hữu.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là lệnh bán của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận là được sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển đổi quỹ của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận là sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
“Lệnh chuyển nhượng”	là lệnh của Nhà đầu tư chuyển nhượng quyền sở hữu của một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.

“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển nhượng của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện chuyển đổi quyền sở hữu một lượng đơn vị quỹ nhất định sang người khác theo quy định của Pháp Luật.
“Lệnh Được Chấp Nhận”	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc các Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận nói chung.
“Lệnh Mua”	là lệnh của nhà đầu tư đặt mua Đơn Vị Quỹ.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là lệnh mua của nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
“Năm Tài Chính”	có nghĩa như định nghĩa tại Điều 47 của Điều Lệ này.
“Ngày Định Giá”	là ngày NAV của Quỹ được xác định và được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.
“Ngày Giao Dịch”	có nghĩa là ngày làm việc như quy định tại Điều 16.2 của Điều Lệ này.
“Ngày Làm Việc”	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngân Hàng Giám Sát”	có nghĩa là ngân hàng quy định tại Điều 7 được chỉ định để cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định trong Điều 35 của Điều Lệ này.
“Nghị Quyết Đặc Biệt”	có nghĩa là nghị quyết được Nhà đầu tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều Lệ này.
“Nghị Quyết Thông Thường”	có nghĩa là một nghị quyết được Nhà đầu tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 3 Điều 22.

“Nhà đầu tư”	là cá nhân hoặc tổ chức được đăng ký trong Sổ Đăng Ký.
“Pháp Luật”	có nghĩa là pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Quỹ”	có nghĩa là Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF, một loại hình quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo các quy định hiện hành về chứng khoán tại Việt Nam và Điều Lệ này.
“Quỹ Hưu Trí”	là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động theo quy định pháp luật. Quỹ Hưu Trí có thể là Nhà Đầu Tư vào Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF.
“SIP”	là kế hoạch đầu tư định kỳ tức là kế hoạch đầu tư vào Quỹ theo một chu kỳ đều đặn như được mô tả chi tiết trong Bản Cáo Bạch.
“Sổ Đăng Ký”	có nghĩa là sổ đăng ký Nhà đầu tư chính để ghi nhận các thông tin về Nhà đầu tư. Sổ Đăng Ký được gọi tắt là Sổ Chính.
“Sổ Tay Định Giá”	được VCBF lập ra nhằm mục đích cung cấp phương pháp định giá trung thực và công bằng để định giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều Lệ của Quỹ và quy định pháp luật.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	có nghĩa là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân Phối có thể nhận lệnh giao dịch Đơn Vĩ Quỹ để thực hiện vào Ngày Giao Dịch và được xác định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
“UBCKNN”	có nghĩa là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam.
“Vốn Điều Lệ”	là số vốn huy động từ các nhà đầu tư trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định của Pháp Luật với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Điều Lệ này.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ

Tên tiếng Việt : QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF
Tên tiếng Anh: VCBF Fixed Income Fund
Địa chỉ liên hệ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán
Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải,
Hà Nội
Điện thoại: 84-24-39364540 Fax : 84-24-39364542
Website: www.vcbf.com.

Điều 2: Thời hạn của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán

1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành các Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VND (mười nghìn đồng Việt Nam).
2. Nhà đầu tư sẽ góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
4. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

Điều 5. Đại diện của Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo pháp luật của Quỹ chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005

Trụ sở chính: Tầng 15, toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84)-24-39364540

Fax: (84)-24-39364542

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015

Địa chỉ liên hệ: P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 84 24 39368000

Fax: 84 24 32484355

Chương II. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Quỹ kiếm tìm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.
2. Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm:

Tài sản có thu nhập cố định

- (a) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (b) Trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- (c) Trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền) phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc

cam kết mua lại của tổ chức phát hành mà đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện và đối tác giao dịch. Quỹ có thể đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp mà Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) bảo lãnh thanh toán và/hoặc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đóng vai trò bảo lãnh phát hành và/hoặc đại lý phát hành trái phiếu;

- (d) Trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Trường hợp đầu tư vào các loại tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:
- Đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch;
 - Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- (e) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp bất lợi của thị trường, để đảm bảo tính an toàn cho tài sản của Quỹ, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và các tài sản tương đương tiền có thể chiếm đến 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (f) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan.

Cổ phiếu

- (g) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch;
- (h) Cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch (i) mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ niêm yết trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; và (ii) đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện và đối tác giao dịch.

Công cụ phái sinh

- (i) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

Các quyền tài sản

- (k) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

3. Phân bổ tài sản của Quỹ

Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% (Một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20,0% (Hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Điều 10. Hạn mức đầu tư

1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:
 - (a) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây mà được phát hành bởi một công ty hoặc nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau:
 - (i) tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - (ii) ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - (iii) cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - (iv) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
 - (b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
 - (c) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10,0%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
 - (d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào: (i) trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; (ii) trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành (iii) cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch;
 - (e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - (f) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
 - (g) Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.
2. Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư:
 - (a) Vào đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc

- (b) Trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hoá.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra tại Khoản 1 của Điều này, ngoại trừ điểm (c) Khoản 1 của Điều này và chỉ vì các lý do sau:
- (a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- (c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (d) Các hoạt động sáp nhập và hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- (e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- (f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Khoản 1 của Điều này trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.
5. Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi Pháp Luật hoặc Điều lệ hoặc Bản Cáo Bạch, CTQLQ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Quỹ không được cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chi Quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Tài sản của Quỹ không được sử dụng để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.
4. Quỹ không được thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.
5. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp tuân thủ các quy định tại Điều Lệ này bao gồm nhưng không giới hạn các quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Điều Lệ này và Pháp Luật.

Dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Đối với Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Công Ty Quản Lý Quỹ tập trung vào quản lý kỳ hạn, lựa chọn trái phiếu dựa trên nhận định về xu hướng lãi suất, tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng trả nợ cao.

Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Nhà đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.
2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế và xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được cho phép đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số Đơn Vị Quỹ mà tổ chức đó đang nắm giữ. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.
3. Nhà đầu tư là Quỹ Hưu Trí phải cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ như đối với Nhà đầu tư là tổ chức và tuân thủ (các) Điều lệ Quỹ Hưu Trí mà họ làm đại diện hoặc điều khoản hợp tác cũng như quy định của Pháp Luật.
4. Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đơn đăng ký và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:

- (a) nhận thanh toán và phân chia, nếu có, do Quỹ thực hiện tại từng thời điểm và được phân chia tài sản hợp pháp nếu Quỹ bị thanh lý;
 - (b) yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ;
 - (c) thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - (d) chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ phi thương mại phù hợp với quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật;
 - (e) các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
- (a) chịu trách nhiệm với tư cách là người sở hữu Quỹ đối với các tổn thất hoặc nợ của Quỹ, nếu có, được giới hạn trong và không vượt quá số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ;
 - (b) tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu được ủy quyền để đưa ra các quyết định đó;
 - (c) đồng ý rằng các thông tin của Người Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ có thể tiết lộ cho cơ quan nhà nước Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật;
 - (d) Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này, do đó Nhà đầu tư là Quỹ Hữu Trí có nghĩa vụ thực hiện quyền của họ cũng theo quy định của Pháp Luật trong lĩnh vực hưu trí và các bản điều lệ hoặc điều khoản hợp tác.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng lập Sổ Chính và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.
2. Sổ Chính, sổ phụ (nếu có) sẽ bao gồm các thông tin sau:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu ký ; tên đầy đủ của Quỹ.
 - (b) Thông tin về Nhà đầu tư, bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);
 - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó.

- (c) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh (nếu có) và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài;
 - (d) Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ Đăng Ký hoặc sổ phụ.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải có đầy đủ thông tin về từng Nhà đầu tư theo yêu cầu của Pháp Luật, ngoại trừ thông tin về Nhà đầu tư của các đại lý ký danh nước ngoài. Thông tin về phần nắm giữ của Nhà đầu tư và của đại lý ký danh nước ngoài trong Sổ Đăng Ký sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm khi thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Sau thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là Ngày Làm Việc ("Ngày Giao Dịch"). Nếu Ngày Thứ Tư không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo. Nếu Ngày Làm Việc tiếp theo đó là ngày Thứ Ba, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Tư của tuần đó.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghi lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang web của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch hoặc/và Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

3. Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.
4. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ.
5. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư đó nắm giữ.
6. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được xác nhận là do Nhà đầu tư nắm giữ và sẽ được coi là cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận.

7. Phù hợp với quy định tại Điều 17, Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Chuyển Nhượng nhận cho đến Thời Điểm Đóng Số Lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Số Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.
8. Thời Điểm Đóng Số Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ để thực hiện trong Ngày Giao Dịch là vào 14h00 ngày T-1 tại các Điểm Nhận Lệnh và cho việc thanh toán các lệnh mua trước 14h00 của ngày T-1 vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
9. Tất cả các thanh toán để mua Đơn Vị Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
10. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Đơn Vị Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền đều đặn để mua các Đơn Vị Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng số lệnh... được quy định trong Bản Cáo Bạch.
11. Quỹ Hưu Trữ có thể mua Chứng Chỉ quỹ theo điều khoản và điều kiện thống nhất và được phê chuẩn trong các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí và theo quy định của Pháp Luật.
12. Giá phát hành lần đầu (IPO):

Bảng mệnh giá cộng 80% của Giá Dịch Vụ Phát Hành

Giá phát hành lần đầu = 10.000 VNĐ x (1 + 0.8 x Giá Dịch Vụ Phát Hành) Giá phát hành CCQ lần đầu cụ thể như sau:

Số tiền mua chứng chỉ quỹ mở	Mức giá dịch vụ phát hành (tính trên mệnh giá)	Giá IPO (đã bao gồm giá dịch vụ phát hành)
- Số tiền mua chứng chỉ quỹ mở ≤ 01 tỷ đồng/lần mua CCQ	0.6% x 0.8	10.048d/CCQ
- 01 tỷ đồng < Số tiền mua chứng chỉ quỹ mở ≤ 03 tỷ đồng/lần mua CCQ	0.5 % x 0.8	10.040d/CCQ
- 03 tỷ đồng < Số tiền mua chứng chỉ quỹ mở ≤ 05 tỷ đồng/lần mua CCQ	0.3% x 0.8	10.024d/CCQ
- 05 tỷ đồng < Số tiền mua chứng chỉ quỹ mở ≤ 10 tỷ đồng/lần mua CCQ	0.1% x 0.8	10.08d/CCQ

- 10 tỷ đồng < Số tiền mua chứng chỉ quỹ mở / lần mua CCQ	Miễn phí	10.000d/CCQ
-----------------------------------------------------------	----------	-------------

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận khi một trong các trường hợp sau xảy ra:

- (a) Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ; hoặc
- (b) Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà đầu tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Các nguyên nhân của việc thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận này phải được thông báo trực tiếp cho Nhà đầu tư trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày Lệnh Được Chấp Nhận hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ.

2. Việc thực hiện một phần lệnh bán và lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa thực hiện sẽ được hủy. Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số dư tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản sẽ không áp dụng.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong các trường hợp sau:

- (a) Các điều kiện bất khả kháng;
- (b) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các số giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc
- (c) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các số giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch;
- (d) Việc tạm ngừng là cần thiết cho mục đích kỹ thuật hoặc lý do phát sinh từ việc tạm ngừng dịch vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng; hoặc
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ báo cáo BDDQ và

UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra các sự kiện có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

4. Với Lệnh Mua Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần, mọi tiền lãi có được do Quỹ nhận được thanh toán cho việc thực hiện một phần Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ thuộc về Nhà đầu tư và được nhập vào khoản gốc của Lệnh Mua Được Chấp Nhận, trừ khi Nhà đầu tư có yêu cầu khác.
5. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tối đa sẽ là chín mươi (90) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.
6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 3 của Điều này chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Giá dịch vụ, giá phát hành và mua lại Đơn Vị Quỹ

Giá dịch vụ liên quan đến giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do Nhà đầu tư trực tiếp thanh toán và không tính vào chi phí của Quỹ.

1. Giá dịch vụ phát hành

Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng 5,0% (năm phần trăm) giá trị Lệnh Mua. Giá dịch vụ phát hành cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

Các Lệnh Mua trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ sẽ được giảm 20% (hai mươi phần trăm) Giá dịch vụ phát hành.

Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP) có thể được giảm trừ Giá Dịch Vụ Phát Hành theo thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

2. Giá dịch vụ mua lại

Giá dịch vụ mua lại tối đa 3,0% (ba phần trăm) trên NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ của số lượng CCQ bán ra và được trừ vào khoản tiền trả cho Nhà đầu tư theo lệnh bán.

Giá dịch vụ mua lại cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

Nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ của Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP) trước ngày tròn một (01) năm kể từ ngày bắt đầu sẽ phải trả thêm một khoản tiền nữa vào Giá dịch vụ mua lại và được công bố theo thông báo tại từng thời điểm trên trang web của VCBF nhưng tổng cộng không vượt quá 3% của giá trị giao dịch.

3. Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ

Giá dịch vụ chuyển đổi là mức chênh lệch giữa giá dịch vụ phát hành của Quỹ mục tiêu với giá dịch vụ phát hành của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không (0) và tối đa là 3% của giá trị giao dịch.

Lệnh chuyển đổi Quỹ sẽ không bị tính giá dịch vụ mua lại. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.

4. Giá dịch vụ chuyển nhượng

Nhà đầu tư phải trả một mức Giá dịch vụ chuyển nhượng tối đa là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ chuyển nhượng cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF. Giá dịch vụ chuyển nhượng do người chuyển nhượng thanh toán.

Điều 19. Thừa kế Chứng Chi Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng Chi Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp Luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký với điều kiện người được thừa kế cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về thừa kế đó.

Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà đầu tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của đại hội mười (10) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội. Phù hợp với quy định pháp luật, Đại Hội Nhà Đầu Tư (thường niên hoặc bất thường) có thể được tiến hành theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức cuộc họp trực tuyến, hoặc hình thức phù hợp khác.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm vào hoặc trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong thời hạn do Pháp Luật quy định theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà đầu tư nắm giữ ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm tổ chức đại hội. Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà đầu tư yêu cầu triệu tập họp sẽ phải nêu rõ các lý do hợp lý kèm theo tài liệu chứng minh để triệu tập cuộc họp đó trong yêu cầu gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

4. Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tiến hành khi có sự tham gia của Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) của tổng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành. Nhà đầu tư có thể tham gia trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền hoặc thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử, hoặc tham gia biểu quyết ý kiến bằng văn bản (hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào khác) được tiến hành trước hoặc tại thời điểm đại hội theo quy định của pháp luật.
5. Nếu trong vòng một khoảng thời gian hợp lý ít nhất ba mươi (30) phút kể từ thời gian dự kiến tiến hành đại hội hoặc một thời gian khác được nêu trong thông báo mời họp, nếu tỷ lệ tham gia tối thiểu của Nhà đầu tư không đạt yêu cầu, Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất không được tiến hành, Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất mà không có yêu cầu tỷ lệ tối thiểu Nhà đầu tư tham gia.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện các thủ tục báo cáo theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà đầu tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ được hiểu là đã thông qua Điều Lệ và các điều kiện mà theo đó Quỹ được quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng và dịch vụ do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên khác cung cấp.
2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Nhà đầu tư có quyền:
 - (a) Thông qua các sửa đổi và bổ sung Điều lệ, Hợp đồng Giám sát hoặc kế hoạch phân phối lợi nhuận;
 - (b) Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi ngân hàng giám sát;
 - (c) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
 - (d) Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; tách quỹ;
 - (e) Giải thể quỹ;
 - (f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
 - (g) Thay đổi công ty Quản lý quỹ;
 - (h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.
3. Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm (b) đến điểm (f), của Khoản 2 của Điều này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Điều 22. Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng hình thức cuộc họp, Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, hoặc một người khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra nếu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty kiểm toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng hình thức cuộc họp, biểu quyết nghị quyết sẽ được thực hiện dưới hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu và/hoặc thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử được tiến hành tại hoặc trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Trong trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc ít nhất ba Nhà đầu tư có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền của họ yêu cầu thay đổi, bất kỳ biểu quyết nào dưới hình thức giơ tay sẽ được chuyển thành biểu quyết dưới hình thức bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một lá phiếu.
3. Nghị quyết sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua nếu được những Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham gia thông qua ("Nghị Quyết Thông Thường"), trừ khi nghị quyết đó liên quan đến vấn đề quy định tại Điểm (b), (c), hoặc (g) của Khoản 2 của Điều 21 của Điều lệ này, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham dự bằng hình thức cuộc họp thông qua ("Nghị Quyết Đặc Biệt").
4. Các vấn đề do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định cũng có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, bằng bỏ phiếu điện tử hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào khác trên nguyên tắc gửi nghị quyết dưới hình thức bản in, bản điện tử hoặc bất cứ hình thức hợp pháp khác tới tất cả Nhà đầu tư và xin ý kiến của Nhà đầu tư. Trừ khi nghị quyết có liên quan đến vấn đề quy định tại Điểm (b), (c), hoặc (g) của Khoản 2 của Điều 21 của Điều lệ này, bất cứ vấn đề nào được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư sẽ chỉ được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm một phần trăm (51%) tổng số Đơn Vị Quỹ tham gia biểu quyết ý kiến thông qua. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo về thời gian, nội dung các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày thực hiện. Nhà Đầu Tư phải gửi ý kiến của mình đến Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc hoàn thành biểu quyết trước hoặc trong ngày thực hiện lấy kiến Nhà Đầu Tư (thời gian cụ thể theo thông báo mời họp). Phù hợp với quy định pháp luật, các vấn đề chi tiết khác liên quan đến trình tự thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư (nếu có) sẽ được Ban Đại Diện Quỹ quyết định.
5. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai được tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được những Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham gia thông qua cho mọi vấn đề trừ vấn đề quy định tại Điểm (b), (c), (g) của Khoản 2 của Điều 21, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham dự bằng hình thức cuộc họp thông qua.

6. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ biểu quyết những vấn đề được ghi rõ trong thông báo mời tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
7. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện thông qua lá phiếu bầu, Nhà đầu tư có trên một phiếu bầu sẽ không cần phải bỏ tất cả các lá phiếu với kết quả giống nhau. Quyền biểu quyết bằng việc bỏ các lá phiếu không theo kết quả giống nhau sẽ không áp dụng trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện bằng việc giơ tay.
8. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, BDDQ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN.
9. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường được tiến hành theo hình thức cuộc họp trực tuyến hoặc bất kỳ hình thức tương tự nào khác được phù hợp quy định Pháp luật, các quy định cho cuộc họp thông thường sẽ được áp dụng với những nội dung tương ứng và/hoặc tuân theo các thủ tục được nêu trong thông báo mời họp. Ngân hàng giám sát, Công ty kiểm toán có quyền tham dự trực tiếp hoặc qua phương thức trực tuyến và đảm bảo rằng các thủ tục cuộc họp phù hợp với Điều lệ Quỹ và pháp luật.

Điều 23. Phân đổi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà đầu tư phân đổi quyết định về các nội dung quy định tại điểm (b), (c), (g) Khoản 2 Điều 21 của Điều Lệ này có thể yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của những Nhà đầu tư, số tài khoản lưu ký và số lượng Đơn Vị Quỹ và lý do yêu cầu bán hoặc chuyển đổi sang quỹ khác và gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý ký danh trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư ra quyết định đó hoặc kết quả xin ý kiến bằng văn bản được công bố.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phân đổi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối. Giá mua lại sẽ được xác định dựa trên NAV tại ngày tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 1 của Điều này, Nhà đầu tư đó không phải trả giá dịch vụ mua lại hoặc giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có tối thiểu ba (03) thành viên và tối đa là mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.

2. Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm:

- (a) ít nhất một (01) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
- (b) ít nhất một (01) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
- (c) ít nhất một (01) thành viên, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

Điều 25. Bổ nhiệm và Miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- (a) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- (b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- (c) Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu trên hoặc có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản

- 2. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 3 (ba) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn.
- 3. Thành viên không thể hoán thành nhiệm kỳ có thể từ chức tuy nhiên với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ tịch và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất 60 (sáu mươi) ngày.
- 4. Trường hợp cơ cấu ban đại diện quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 hoặc khoản 1 Điều này, hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 24 để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

- 1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định hiện hành; chấp thuận các giao dịch tài sản của

Quỹ trong phạm vi thẩm quyền theo quy định pháp luật đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch. Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.

3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ, phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp Luật;
4. Quyết định các vấn đề phù hợp với Điểm 3 Điều 21 của Điều Lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền.
5. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Thông qua Công ty Quản Lý Quỹ gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của BDDQ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) Ngày Làm Việc, kể từ ngày BDDQ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 của Điều này;
7. Trong trường hợp quyết định do BDDQ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo đúng quy định pháp luật.

Điều 27. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch là thành viên độc lập, sẽ có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - (a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư, trừ trường hợp được quyết định khác theo Khoản 1 Điều 22 Điều lệ này;
 - (b) yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư; và
 - (c) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Trong trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, một thành viên Ban Đại Diện Quỹ do Chủ Tịch ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch. Trong trường hợp thành viên đó vắng mặt, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ Tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ Tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ Tịch mới được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau:

- (a) bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- (b) hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- (c) vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong hai (02) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- (d) không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 25 của Điều Lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- (e) bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 29. Họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ ít nhất năm mươi một phần trăm (51%). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác.
3. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một (01) phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.
4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được năm mươi một phần trăm (51%) số thành viên tham dự và năm mươi một phần trăm (51%) số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ Tịch và thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ:

Công Ty Quản Lý Quỹ luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều Lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1 của Điều lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này. Công ty Quản lý quỹ sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

- (a) nhận giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều 57 của Điều Lệ này;
- (b) Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
- (c) tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ;
- (d) đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
- (e) Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch Của Quỹ và Pháp Luật.

Điều 32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - (a) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - (b) Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc
 - (c) Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác. Công ty quản lý quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 30 của Điều Lệ này. Công ty quản lý quỹ bị thay thế có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo công ty quản lý quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm (a), Khoản 1 của Điều này, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3,0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của năm hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 33. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác, nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại Các Công Ty Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ được phép mua hoặc bán Đơn Vị Quỹ bằng với giá phát hành hoặc giá mua lại.

3. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc hoặc nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và phải được lưu trong vòng mười (10) năm và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
4. Trong quá trình kinh doanh, Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa của bất kỳ cá nhân nào hay của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào ngoại trừ khoản phí và thưởng như quy định trong Bản Cáo Bạch Của Quỹ.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép:
 - (a) sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào Quỹ;
 - (b) sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ đầu tư, quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
 - (c) sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên Công Ty Quản Lý Quỹ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên nắm giữ trên 10 (mười) % vốn điều lệ.
 - (d) sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - (e) Thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp Luật và vi phạm các hạn chế trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Không được là người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và

4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

- (a) Ngân Hàng Giám Sát luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư trong việc giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
- (b) Ngân Hàng Giám Sát sẽ đóng vai trò là ngân hàng giám sát và lưu ký cho các tài sản của Quỹ và đảm bảo các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát được tiến hành phù hợp quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải giám sát việc tính toán NAV của Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ và đảm bảo NAV được tính toán chính xác.
- (c) Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
- (d) Ngân Hàng Giám Sát phải xử lý các chỉ thị hợp pháp và hợp lệ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc từ chối các chỉ thị đó nếu có cơ sở tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối cùng với lý do phải được gửi bằng văn bản tới Công Ty Quản Lý Quỹ và bản sao của việc từ chối này phải được gửi đến UBCKNN.
- (e) Theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Nhà đầu tư khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ của Nhà đầu tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
- (f) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát

- (a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
- (b) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
- (c) Được quyền nhận giá dịch vụ khi cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.

Điều 36. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát được đề cập trong Hợp đồng giám sát giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công ty Quản Lý Quỹ và theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
 - (a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - (b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - (c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - (d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
 - (e) Công ty quản lý quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của công ty quản lý quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của công ty quản lý quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại ngân hàng giám sát; Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức

này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.
5. Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 4 của Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho BDDQ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo Hợp Đồng Giám Sát giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Ngân Hàng Giám Sát giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - (b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - (c) Quỹ bị giải thể;
 - (d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng Giám Sát.
2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát phải có thông báo trước ít nhất sáu (06) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát

chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quý lựa chọn được hoàn thành.

- Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

- Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp

Tổ chức được lựa chọn phải là tổ chức được Pháp Luật cho phép cung cấp dịch vụ đó. Nhân sự cung cấp dịch vụ phải có kinh nghiệm, được tập huấn cập nhật thường xuyên để đạt đến các tiêu chuẩn quốc tế chuyên nghiệp tốt nhất.

- Tiêu chí về cơ cấu tổ chức, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo:

Tổ chức được lựa chọn làm đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với đại lý phân phối và nhà đầu tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với đại lý phân phối và Công Ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà đầu tư, phù hợp với Pháp Luật và chuẩn mực quốc tế.

Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và đại lý phân phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp Luật.

Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

- Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

- Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

(a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;

- Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- Xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

(b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý Sổ Đăng Ký; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
- Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ Đăng Ký;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 41. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều Lệ này;
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
8. Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác.
10. Tối thiểu một năm một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
 - (a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - (b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - (c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công Ty Quản Lý Quỹ);
 - (d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.



Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - (b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - (c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - (d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - (e) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - (f) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (g) Quỹ bị giải thể;
 - (h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 43. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ

Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.

Điều 44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
3. Hỗ trợ Người Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vĩ Quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư.
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
7. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.
8. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì; trừ trường hợp theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan để thực hiện nhận biết khách hàng hoặc tuân thủ quy định về phòng chống rửa tiền, hoặc được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa

thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho nhà đầu tư.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 46. Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trong trường hợp, thời gian tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến ngày 31 tháng 12 của năm còn dưới 3 (ba) tháng, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 48. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

Điều 49. Báo cáo tài chính

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Toàn bộ chứng từ gốc liên quan tới giao dịch của Quỹ và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ban Đại diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán trình bày trước Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ ký. Các báo cáo, nếu có, của Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ

và của công ty kiểm toán sẽ được đính kèm cùng các báo cáo tài chính. Các báo cáo này sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và bất cứ Nhà đầu tư nào cũng có thể xem các báo cáo đó.

3. Tất cả các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và giao hoặc gửi cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 50. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 51. Xác định Giá trị Tài sản ròng ("NAV")

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật.
2. NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc bằng fax, thư điện tử hoặc phương thức truyền dữ liệu phù hợp của Ngân Hàng Giám Sát, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. NAV của Quỹ và NAV trên Đơn Vị Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối và trên các trang điện tử khác trong vòng 3 (ba) ngày kể từ Ngày Định Giá và NAV của Quỹ sẽ có giá trị cho đến khi có thông báo mới. Trong trường hợp NAV bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh các sai sót đó trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi lỗi được phát hiện.
3. NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Điều 52. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng ("NAV") của Quỹ

1. Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong phương pháp định giá và sẽ tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Phương pháp định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát chấp thuận và được Ban Đại Diện Quỹ/Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Những thay đổi trong phương pháp định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ đồng ý.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thành lập Hội Đồng Định Giá để xác định giá hợp lý trong những trường hợp sổ tay định giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng.
3. Phương pháp xác định NAV của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với chi tiết theo Bảng A hoặc Bảng B như sau:

BẢNG A: GIÁ TRỊ TÀI SẢN		
STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế) (được chi tiết trong sổ tay định giá); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá; hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến

		<p>động bất thường hơn $\pm 10,0\%$ khi so sánh với giá từ hệ thống báo giá; là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế <p>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
7	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế <p>Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</p>
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá; hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; là một trong các mức giá sau: + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc

		<p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách</p> <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>
9	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:</p> <p>+ Giá trung bình của các báo giá trong trường hợp có ít nhất hai báo giá; hoặc</p> <p>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách.</p>
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <p>- Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>- Mệnh giá</p>
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>

12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = $\text{Số cổ phiếu được mua} / \text{Số lượng quyền mua sở hữu}$.
Chứng khoán phái sinh		
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá
Các tài sản khác		
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới với điều kiện phương pháp đó là thích hợp và có số liệu. Để tránh hiểu nhầm, khi tính toán giá trị tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên được liệt kê từ trên xuống dưới. Trường hợp cần áp dụng một phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới nhưng được đánh giá là thích hợp hơn trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ phải xin phê duyệt của Hội Đồng Định Giá.

- Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp chỉ số định giá so sánh được quy định tại Sổ Tay Định Giá.

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu để tham khảo. Nguyên tắc lấy thông tin trên hệ thống báo giá được quy định chi tiết trong Sổ Tay Định Giá.

B. GIÁ TRỊ CAM KẾT TỪ CÁC HỢP ĐỒNG PHÁT SINH

1. Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quý là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Điều 53. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Trước Ngày Định Giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký;
- Hàng tuần đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng, chi phí quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các công ty chứng khoán, các hệ thống báo giá

(Bloomberg/Reuters/VNBF..), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá;

- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

2. Tại Ngày Định Giá

- Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn Vị Quỹ được tính tại Ngày Định Giá;
- Công Ty Quản Lý Quỹ công bố NAV trên một Đơn Vị Quỹ được tính tại Ngày Định Giá.

3. Trong thời hạn một (01) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của nhà đầu tư.

4. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại Sở Đăng Ký và cung cấp thông tin cho đại lý phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư.

5. Tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ được chuyển đến tài khoản nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

Điều 54. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ

1. Thiệt hại gánh chịu bởi Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi NAV của Quỹ bị định giá sai và mức độ sai sót này vượt quá:

Không phải bảy mươi lăm phần trăm (0,75%) của NAV hoặc hơn trong trường hợp quỹ trái phiếu;

sẽ được giải quyết bằng cách điều chỉnh số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư bị thiệt hại nắm giữ hoặc bằng cách thanh toán bằng chuyển khoản trong trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà đầu tư vượt quá một trăm nghìn đồng Việt Nam (100.000 VND). Quỹ sẽ áp dụng tỷ lệ quy định tại điểm (a) Khoản 1 Điều này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Quỹ cho những thiệt hại mà Quỹ phải gánh chịu khi nhà đầu tư yêu cầu mua lại Chứng Chỉ Quỹ trong trường hợp sai sót vượt quá mức độ nêu tại Khoản 1 của Điều này mà không thể thu hồi từ nhà đầu tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà đầu tư được xác định như sau:
- (a) Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa

trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ.

- (b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Người Sở Hữu Đơn Vị được xác định như sau:
- (a) Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ
 - (b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ nhà đầu tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

Điều 55. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình BDDQ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ

Điều 56. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 21 và Khoản 3 Điều 26 Điều Lệ này theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:
 - (a) Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp Luật; hoặc
 - (b) NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp Luật.
2. Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Mỗi Nhà đầu tư có thể quyết định nhận lợi

nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền mặt hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện, họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ lần đầu tiên. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư báo cáo phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền mặt và bằng Đơn Vị Quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ quản lý hàng năm cho Quỹ sẽ là Không phải chín phần trăm (0,9%) của NAV/năm.

Trong mọi trường hợp, tổng Giá dịch vụ quản lý tại đây, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 của Điều này không được vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật.

2. Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát

Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát là Bốn điểm cơ bản (0,04%) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VND (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều Lệ này. Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là Bốn điểm cơ bản (0,04%) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VND (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều Lệ này. Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là Bốn điểm cơ bản (0,04%) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu này được miễn áp dụng trong vòng sáu tháng tính từ ngày Điều Lệ này có hiệu lực. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VND (mười triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm cho Đại Lý Chuyển Nhượng.

6. Giá dịch vụ kiểm toán

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

7. Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ phục vụ cho lợi ích của Quỹ, các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

8. Chi phí khác

- Chi phí môi giới cho các giao dịch của Quỹ.
- Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật;
- Chi phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban đại diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan nhà nước;
- Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được Pháp Luật cho phép;
- Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 58. Các điều kiện để hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
2. Việc tách Quỹ sẽ xảy ra khi xảy ra sự kiện (i) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định được NAV của Quỹ vào Ngày Định Giá để mua lại Chứng Chỉ Quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ vô thời hạn giao dịch chứng khoán chiếm phần lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc (ii) theo quyết định bằng văn bản của UBCKNN.

3. Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 59. Điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ

1. Quỹ được thanh lý và giải thể trong các trường hợp sau:
 - (a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc giấy phép thành lập và hoạt động quỹ bị thu hồi nhưng Ban Đại diện Quỹ không tìm được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép.
 - (b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Hợp Đồng Giám Sát bị chấm dứt bởi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi và Công Ty Quản Lý Quỹ không tìm được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi.
 - (c) Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ quyết định giải thể Quỹ;
 - (d) NAV của Quỹ giảm xuống dưới mười tỷ đồng Việt Nam (10.000.000.000 VND) trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp; và
 - (e) các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Việc thanh lý và giải thể của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hành động một cách công bằng đối với tất cả các quỹ do mình quản lý, tuân thủ các quy định của Pháp Luật, Khoản 1 Điều 31 và Khoản 3 Điều 33 của Điều Lệ này và sẽ thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và tiềm tàng. Trong trường hợp này sinh xung đột lợi ích, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.

Điều 61. Thông báo và công bố thông tin

1. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà đầu tư phải được gửi đến địa chỉ của Nhà đầu tư đăng ký trong Sổ Đăng Ký. Nhà đầu tư phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ.
2. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.

3. Các thông báo và tài liệu gửi cho bất kỳ một (01) Nhà đầu tư sẽ được coi là gửi cho tất cả những Nhà đầu tư còn lại.
4. Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà đầu tư đã được đăng ký tại Sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tin đăng ký trong Sổ Đăng Ký.
5. Hàng tháng, hàng quý và hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư danh sách giao dịch và số dư trên tài khoản, tiểu khoản và các báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ, có thể qua email hoặc dịch vụ nhắn điện tử hoặc các hình thức khác đã thống nhất với Người Sứ Hữu Đơn Vị Quỹ. Với những Nhà đầu tư giao dịch bằng tài khoản ký danh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông tin khi Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản. Báo cáo sẽ được gửi cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin theo quy định pháp luật và các quy định được ưu tiên áp dụng.

Điều 62. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ

1. Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Khoản 2 Điều 21 và Khoản 3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này.
2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
 - (a) Bất cứ nội dung nào của Điều Lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật. Khi các quy định của Pháp Luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều Lệ này có thay đổi theo, Công Ty Quản lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - (b) chỉnh sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công Ty Quản lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.
3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công Ty Quản lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

Điều 63. Hiệu lực của Điều Lệ

Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ khi có Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho thời hạn không xác định.

Điều lệ được lập bằng Tiếng Việt và được dịch sang Tiếng Anh cho mục đích tham khảo.

Phụ lục 1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: 06/UBCK/GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005.

Công Ty Quản Lý Quỹ theo đây xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với các Quỹ:

1. Tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực và tận tụy và phù hợp với các mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
3. Đảm bảo rằng Quỹ luôn có Ngân Hàng Giám Sát tại mọi thời điểm;
4. Đảm bảo rằng Ban Đại diện Quỹ được thông báo về tất cả các thông tin có liên quan tới Quỹ được điều chỉnh bởi Điều Lệ này.
5. Thanh toán tất cả các khoản chi phí cho Ngân Hàng Giám Sát và các nhà cung cấp dịch vụ khác như quy định trong Bản Cáo Bạch Của Quỹ;
6. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho Ngân Hàng Giám Sát bao gồm các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ, bản đánh giá NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ và các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
7. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho các nhà cung cấp dịch vụ khác để hỗ trợ các nhà cung cấp này hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc nếu nhà cung cấp có yêu cầu;
8. Cung cấp cho Nhà đầu tư bản in của Điều Lệ và Bản Cáo Bạch Của Quỹ, báo cáo thường niên và các báo cáo khác của Quỹ, báo cáo thường niên của Ngân Hàng Giám Sát về công tác quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ và tất cả các sửa đổi và bổ sung và các tài liệu có liên quan khác nếu Nhà đầu tư yêu cầu;
9. Không đầu tư vào các chứng khoán hoặc tài sản mà Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người liên quan có quyền lợi trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó trừ khi được Pháp Luật cho phép;
10. Luôn luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế là Công Ty Quản Lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
11. Đảm bảo việc định giá và kế toán của các Quỹ là chân thực, chính xác và đúng thời hạn;
12. Đảm bảo rằng tất cả các thông tin được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ là hoàn chỉnh, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà đầu tư.

đầu tư hoặc những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của các thông tin được công bố nêu trên hoặc các thông tin phải công bố theo quy định của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

13. Luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế của mình để thực hiện các giao dịch vi phạm Pháp Luật và thông lệ chuyên nghiệp quốc tế tốt nhất;
14. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quý có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
15. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quý giữa Công Ty Quản Lý Quý và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
16. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật.



Vũ Quang Đông
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015

Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ sẽ cam kết:

1. Tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác và tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản của Quỹ, việc xác định NAV của Quỹ, việc xác định NAV trên một Đơn Vị Quỹ theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với Điều Lệ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không trực tiếp hoặc gián tiếp lợi dụng vị thế của mình thu lợi cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán hàng năm bởi công ty kiểm toán độc lập.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



52

VŨ HƯƠNG GIANG

Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán

Phụ lục 3

**CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thông qua đây cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với Quý:

1. Cùng cam kết thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình vì lợi ích của Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ trong quá trình hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền biểu quyết phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phần/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo chỉ thị và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà Quỹ đã góp vốn vào đó.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ hoặc các giao dịch tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ hoặc Bản Cáo Bạch Của Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Quang Đông
TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ HƯƠNG GIANG
Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán